

Số: 142 /TB-CNTTPTQĐKB

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tên tài sản đấu giá, Giá khởi điểm của tài sản:

* Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở tại phường Bằng An, thị xã Quế Võ (nay là phường Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh).

- Danh mục loại đất: Đất ở đô thị.

- Vị trí khu đất đấu giá theo Bảng giá đất tại Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh: Đường Phan Châu Trinh, đoạn từ đường vào khu phố Yên Lâm đến UBND mới phường Bằng An.

- Diện tích: Tổng diện tích khu đất 69.402,2 m² (trong đó đấu giá quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất 25.891,4 m² đất ở) theo Quyết định giao đất số 672/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh, gồm:

+ Đất nhà ở (237 lô): 25.891,4 m²

+ Đất cây xanh: 3.684,9 m²

+ Đất bãi đỗ xe: 1.894,7 m²

+ Đất thể dục thể thao: 3.667,7 m²

+ Đất nhà văn hóa: 713,9 m²

+ Đất giao thông, rãnh thoát nước hạ tầng kỹ thuật: 33.549,6 m²

- Hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá: Khu đất chưa đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

* Giá khởi điểm: Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở tại phường Bằng An, thị xã Quế Võ (nay là phường Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh) là: 541.940.258.000 đồng

(Bằng chữ: Năm trăm bốn một tỷ, chín trăm bốn mươi triệu, hai trăm năm tám nghìn đồng).

Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chưa quy về hiện tại của dự án (làm tròn 51.475.265.000 đồng) tính trong phương án xác định giá đất là số được tính theo suất đầu tư của Bộ Xây dựng.

Nhà đầu tư trúng đấu giá có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính đảm bảo theo quy định; tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo quy định của pháp luật và các quy định khác có liên quan.

2. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:

- Tên tổ chức: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Bắc Ninh số 2.

- Địa chỉ: Số 8, đường Phù Đổng Thiên Vương, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh.

- Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: **92,0**.

3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM:

| TT | NỘI DUNG | Mức tối đa | Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Bắc Ninh số 2 |
|-----|--|--------------------|---|
| I | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | | |
| 1 | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện | Đủ điều kiện |
| 2 | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện | |
| II | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 19,0 | 15,0 |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 10,0 | 10,0 |
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc | 5,0 | 5,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện | 5,0 | 5,0 |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 5,0 | 2,0 |
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0 | 2,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 3,0 | 0 |

| | | | |
|-----|--|------|------|
| 3 | <i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i> | 2,0 | 2,0 |
| 4 | <i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i> | 1,0 | 0 |
| 5 | <i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i> | 1,0 | 1,0 |
| III | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 16,0 | 16,0 |
| 1 | <i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i> | 4,0 | 4,0 |
| 1.1 | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 2,0 | 2,0 |
| 1.2 | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 2,0 | 2,0 |
| 2 | <i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i> | 4,0 | 4,0 |
| 3 | <i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i> | 4,0 | 4,0 |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i> | 2,0 | 2,0 |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i> | 2,0 | 2,0 |
| 4 | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i> | 4,0 | 4,0 |

| | | | |
|-----|---|-------------|-------------|
| IV | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản | 57,0 | 56,0 |
| 1 | Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 15,0 | 15,0 |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá | 12,0 | |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá | 13,0 | |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá | 14,0 | |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên | 15,0 | 15,0 |
| 2 | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 | 7,0 |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào) | 4,0 | |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành | 5,0 | |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành | 6,0 | |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên | 7,0 | 7,0 |
| 3 | Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 | 7,0 |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch) | 4,0 | |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc | 5,0 | |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc | 6,0 | |

| | | | |
|-----|--|-----|-----|
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i> | 7,0 | 7,0 |
| 4 | <p>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</p> <p>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.</p> | 3,0 | 3,0 |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i> | 3,0 | 3,0 |
| 4.2 | <p><i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:</i></p> <p><i>Số điểm của B = (U x 3)/Y</i></p> | | |
| 4.3 | <p><i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i></p> | | |
| 5 | <p>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p> | 7,0 | 7,0 |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i> | 4,0 | |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i> | 5,0 | |

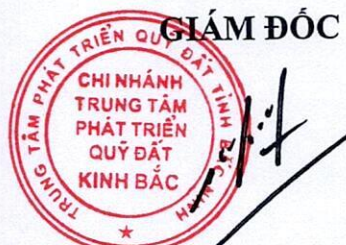
| | | | |
|-----|---|-----|-----|
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i> | 6,0 | |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i> | 7,0 | 7,0 |
| 6 | Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 | 4,0 |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i> | 2,0 | |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i> | 3,0 | |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i> | 4,0 | 4,0 |
| 7 | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 | 4,0 |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i> | 2,0 | |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i> | 3,0 | |
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i> | 4,0 | 4,0 |
| 8 | Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 | 5,0 |
| 8.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i> | 3,0 | |
| 8.2 | <i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i> | 4,0 | |

| | | | |
|-----|--|-----|-----|
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 5,0 | 5,0 |
| 9 | Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 | 4,0 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng | 3,0 | |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 4,0 | 4,0 |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên | 5,0 | |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này) | 8,0 | 5,0 |
| 1. | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá (trước khi sáp nhập tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cũ) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó | 3,0 | 0 |
| 2. | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh. | 4,0 | 4,0 |

| | | | |
|---------------------|--|--------------|-------------|
| 3. | Tiêu chí khác: Trong năm 2024 đã từng đấu giá thành ít nhất 01 cuộc đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (bao gồm tỉnh Bắc Giang cũ và tỉnh Bắc Ninh cũ) | 1,0 | 1,0 |
| Tổng số điểm | | 100,0 | 92,0 |

Nơi nhận: *[Handwritten signature]*

- Đăng trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia;
- Đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Quang